

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/12/2022  
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Sang
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

***Thư ký phiên tòa:*** Châu Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp Cồn Cò, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
2. *Bị đơn:* Lê Văn L, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp Cồn Cò, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị H như sau:*

Chị H và anh L chung sống năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Thạnh, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Lê Văn P, sinh năm 2000; Lê Thị Mỹ Q, sinh năm 1998. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi nên đã ly thân nhau từ năm 2019. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nhau nữa nên chị H yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra để giải quyết
- Về tài sản chung: Không có
- Về nợ chung: Không có

*\*Theo biên bản ghi lời khai của anh Lê Văn L như sau:*

Anh L thống nhất với chị H về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh L xác định tình cảm vợ chồng còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:*

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung: Đã trưởng thành không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh L chung sống với nhau vào năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Thạnh, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hợp nhau nên chị H và anh L đã ly thân từ năm 2019. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết ly hôn với anh L. Phía anh L khai còn thương chị H xin đoàn tụ nhưng Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh L không đến cho thấy thiện chí hàng gấn tình cảm vợ chồng của anh L không có. Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không H Pc nên chấp nhận yêu cầu của chị H cho anh được ly hôn với anh L là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử án không đặt ra để xem xét giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; 217; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H cho chị được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xử án không đặt ra để xem xét giải quyết

Về án phí: Buộc chị H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012172 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Do đó chị H không phải nộp nữa.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục Pc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thu Hằng**

